

Số: 35 /TB-VNC

Phù Ninh, ngày 31 tháng 12 năm 2024

THÔNG BÁO

Kết quả lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản: Xe ô tô Toyota INOVA biển kiểm soát 19C - 1476 của Viện nghiên cứu cây nguyên liệu giấy

I. KẾT QUẢ LỰA CHỌN

1. Tên, địa chỉ tổ chức đấu giá tài sản lựa chọn:

Công ty Đấu giá hợp danh Thành An

Địa chỉ: Số 266 Hà Huy Tập, Yên Viên, Gia Lâm, Hà Nội

2. Tổng số điểm của tổ chức đấu giá được lựa chọn: **99 điểm**

3. Tổ chức đấu giá tài sản bị từ chối xem xét, đánh giá hồ sơ kèm theo lý do từ chối (nếu có): Không.

II. KẾT QUẢ CHÁM ĐIỂM (Có phụ lục kèm theo)

Viện nghiên cứu cây nguyên liệu giấy trân trọng thông báo./.

Noi nhận:

- Cổng thông tin điện tử Quốc gia về đấu giá tài sản (Đăng TB);
- Phòng Truyền thông (Đăng TB);
- Công ty đấu giá hợp danh Thành An;
- Lưu: VT; KHTC; TCHC;



Nguyễn Văn Hiên

**PHỤ LỤC: BẢNG TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ, CHẤM ĐIỂM TỔ CHỨC
ĐẦU GIÁ TÀI SẢN**

(Kèm theo Thông báo số 35/TB-VNC, ngày 31/12/2024 của Viện nghiên cứu cây NLG)

| TT | NỘI DUNG | MỨC CHẤM ĐIỂM TỐI ĐA |
|-----|--|-------------------------------|
| I | Nhóm Tiêu chí về cơ sở vật chất, trang thiết bị cần thiết đảm bảo cho việc đấu giá quyền sử dụng đất | 23 |
| 1 | Cơ sở vật chất bảo đảm cho việc đấu giá | 11 |
| 1.1 | Có trụ sở ổn định, địa chỉ rõ ràng kèm theo thông tin liên hệ (số điện thoại, fax, địa chỉ thư điện tử...) | 6 |
| 1.2 | Địa điểm bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá được bố trí ở vị trí công khai, thuận tiện. | 5 |
| 2 | Trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá | 8 |
| 2.1 | Có máy in, máy vi tính, máy chiếu, thùng đựng phiếu trả giá bảo đảm an toàn, bảo mật và các phương tiện khác đảm bảo cho việc đấu giá | 4 |
| 2.2 | Có hệ thống camera giám sát hoặc thiết bị ghi hình tại nơi bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá; nơi tổ chức cuộc đấu giá. | 4 |
| 3 | Có trang thông tin điện tử đang hoạt động. | 2 |
| 4 | Đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt đủ điều kiện thực hiện hình thức đấu giá trực tuyến. | 1 |
| 5 | Có nơi lưu trữ hồ sơ đấu giá. | 1 |
| II | Nhóm Tiêu chí Phương án đấu giá khả thi, hiệu quả (Thuyết minh đầy đủ các nội dung trong phương án). | 22 |
| 1 | Phương án đấu giá đề xuất việc tổ chức đấu giá đúng quy định của pháp luật, bảo đảm tính công khai, minh bạch, khách quan. | 4 |
| 2 | Phương án đấu giá đề xuất thời gian, địa điểm bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá, địa điểm tổ chức cuộc đấu giá, buổi công bố giá thuận lợi cho người tham gia đấu giá; hình thức đấu giá, bước giá, số vòng đấu giá có tính khả thi và hiệu quả cao. | 4 |
| 3 | Phương án đấu giá đề xuất cách bảo mật thông tin, chống thông đồng, dìm giá. | 4 |
| 4 | Phương án đấu giá đề xuất thêm các địa điểm, hình thức niêm yết, thông báo công khai khác nhằm tăng mức độ phổ biến thông tin đấu giá. | 4 |
| 5 | Phương án đấu giá đề xuất giải pháp bảo đảm an toàn, an ninh trật | 3 |

| | | |
|-----|--|----|
| | tự cho việc tổ chức thực hiện đấu giá. | |
| 6 | Phương án đấu giá đề xuất các giải pháp giải quyết các tình huống phát sinh trong quá trình tổ chức thực hiện việc đấu giá. | 3 |
| III | Nhóm Tiêu chí năng lực, kinh nghiệm và uy tín của tổ chức đấu giá tài sản | 44 |
| 1 | Trong năm 2023 đã thực hiện hợp đồng dịch vụ đấu giá tài sản bán thanh lý giá khởi điểm ≥ 2 tỷ (<i>Chỉ chọn chấm điểm một trong các Tiêu chí 1.1, 1.2, 1.3, 1.4 hoặc 1.5</i>) | 6 |
| 1.1 | <i>Dưới 03 hợp đồng (bao gồm trường hợp không thực hiện hợp đồng nào)</i> | |
| 1.2 | <i>Từ 03 hợp đồng đến dưới 10 hợp đồng</i> | |
| 1.3 | <i>Từ 10 hợp đồng đến dưới 20 hợp đồng</i> | |
| 1.4 | <i>Từ 20 hợp đồng đến dưới 30 hợp đồng</i> | |
| 1.5 | <i>Từ 30 hợp đồng trở lên</i> | 6 |
| 2 | Trong năm 2023 đã tổ chức đấu giá thành các cuộc đấu giá tài sản bán thanh lý giá khởi điểm ≥ 02 tỷ đồng có mức chênh lệch trung bình giữa giá trúng đấu giá so với giá khởi điểm (<i>Chỉ chọn chấm điểm một trong các Tiêu chí 2.1, 2.2, 2.3, 2.4 hoặc 2.5</i>) | 18 |
| 2.1 | <i>Dưới 20% (bao gồm trường hợp không có chênh lệch)</i> | |
| 2.2 | <i>Từ 20 % đến dưới 40%</i> | |
| 2.3 | <i>Từ 40 % đến dưới 70%</i> | |
| 2.4 | <i>Từ 70 % đến dưới 100%</i> | |
| 2.5 | <i>Từ 100% trở lên</i> | 18 |
| 3 | Thời gian hoạt động trong lĩnh vực đấu giá tài sản tính từ thời điểm có Quyết định thành lập hoặc được cấp Giấy đăng ký hoạt động (<i>Chỉ chọn chấm điểm một trong các Tiêu chí 3.1, 3.2 hoặc 3.3</i>) | 5 |
| 3.1 | <i>Dưới 03 năm</i> | |
| 3.2 | <i>Từ 03 năm đến dưới 05 năm</i> | |
| 3.3 | <i>Từ 05 năm trở lên</i> | 5 |
| 4 | Số lượng đấu giá viên của Tổ chức đấu giá tài sản (<i>Chỉ chọn chấm điểm một trong các Tiêu chí 4.1, 4.2 hoặc 4.3</i>) | 2 |
| 4.1 | <i>01 đấu giá viên</i> | |
| 4.2 | <i>Từ 02 đến dưới 05 đấu giá viên</i> | 2 |

| | | |
|-----|---|---|
| 4.3 | Từ 05 đấu giá viên trở lên | |
| 5 | Kinh nghiệm hành nghề của đấu giá viên tính từ thời điểm được cấp thẻ đấu giá viên theo Nghị định số 05/2005/NĐ-CP ngày 18/01/2005 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản hoặc đăng ký danh sách đấu giá viên tại Sở Tư pháp theo Nghị định số 17/2010/NĐ-CP ngày 04/3/2010 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản hoặc thẻ đấu giá viên theo Luật Đấu giá tài sản (<i>Chỉ chọn chấm điểm một trong các Tiêu chí 5.1, 5.2 hoặc 5.3</i>) | 4 |
| 5.1 | <i>Không có đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 03 năm trở lên</i> | |
| 5.2 | <i>Từ 01 đến 02 đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 03 năm trở lên</i> | |
| 5.3 | <i>Từ 03 đấu giá viên trở lên có thời gian hành nghề từ 03 năm trở lên</i> | 4 |
| 6 | Nộp thuế thu nhập doanh nghiệp hoặc đóng góp vào ngân sách Nhà nước trong năm trước liền kề, trừ thuế giá trị gia tăng (<i>Chỉ chọn chấm điểm một trong các Tiêu chí 6.1, 6.2, 6.3 hoặc 6.4</i>) | 5 |
| 6.1 | <i>Dưới 50 triệu đồng</i> | |
| 6.2 | <i>Từ 50 triệu đồng đến dưới 100 triệu đồng</i> | |
| 6.3 | <i>Từ 100 triệu đồng đến dưới 200 triệu đồng</i> | |
| 6.4 | <i>Từ 200 triệu đồng trở lên</i> | 5 |
| 7 | Đội ngũ nhân viên làm việc theo hợp đồng lao động (<i>Chỉ chọn chấm điểm một trong các Tiêu chí 7.1 hoặc 7.2</i>) | 3 |
| 7.1 | <i>Dưới 03 nhân viên (bao gồm trường hợp không có nhân viên nào)</i> | |
| 7.2 | <i>Từ 03 nhân viên trở lên</i> | 3 |
| 8 | Có người tập sự hành nghề trong tổ chức đấu giá tài sản năm 2022 hoặc năm 2023 | 1 |
| IV | Thù lao dịch vụ đấu giá, chi phí đấu giá tài sản phù hợp (<i>Chỉ chọn chấm điểm một trong các Tiêu chí 1, 2 hoặc 3</i>) | 5 |
| 1 | Bằng mức thù lao dịch vụ đấu giá theo quy định của Bộ Tài chính | |
| 2 | Giảm dưới 20% mức tối đa thù lao dịch vụ đấu giá (không áp dụng đối với mức thù lao phần trăm trên phần chênh lệch giá trị tài sản theo giá trung đấu giá với giá khởi điểm theo quy định của Bộ Tài chính) | |
| 3 | Giảm từ 20% trở lên mức tối đa thù lao dịch vụ đấu giá (không áp dụng đối với mức thù lao phần trăm trên phần chênh lệch giá trị tài sản theo giá trung đấu giá với giá khởi điểm theo quy định của Bộ Tài chính) | 5 |

| | | |
|----|--|--------------------|
| V | Tiêu chí khác phù hợp với tài sản đấu giá do người có tài sản đấu giá quyết định | 5 |
| | Tổng số điểm | 99 |
| VI | Có tên trong danh sách các Tổ chức đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố | |
| 1 | Có tên trong danh sách tổ chức đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố | Đủ điều kiện |
| 2 | Không có tên trong danh sách tổ chức đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố | Không đủ điều kiện |

